

Số: *199*/QĐ-UBND

Kon Tum, ngày 29 tháng 3 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước và vốn trái phiếu Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 16/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số Điều của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về hình thức tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 672/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về thành lập Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum;

Theo đề nghị của Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum và Giám đốc Sở Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Giám đốc Sở: Nội vụ, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum và thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT-TT3,4, HTKT, NNTN

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hòa

**QUY CHẾ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY
DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG
THÔN TỈNH KON TUM**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2017
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

**Chương I
VỊ TRÍ PHÁP LÝ**

Điều 1. Tên Ban Quản lý dự án

1. Tên giao dịch: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum.

2. Tên tiếng Anh: Kon Tum Agriculture and Rural Development works construction PMU.

3. Trụ sở giao dịch chính: Số 300, đường Phan Đình Phùng, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

4. Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum được thành lập theo Quyết định số 672/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum.

5. Người đại diện theo pháp luật: Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum.

6. Nơi đăng ký hoạt động của Ban quản lý dự án: Số 300, đường Phan Đình Phùng, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

Điều 2. Vị trí pháp lý

1. Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum (sau đây viết tắt là Ban quản lý dự án) là tổ chức sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh Kon Tum, hoạt động theo cơ chế tự chủ về tài chính, tự bảo đảm chi thường xuyên theo quy định của Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ.

2. Ban quản lý dự án có con dấu riêng, có tài khoản tại Kho Bạc Nhà nước tỉnh Kon Tum để giao dịch theo quy định của pháp luật.

Chương II

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, CỦA BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN

Điều 3. Chức năng

Ban quản lý dự án thực hiện các chức năng theo Quyết định thành lập Ban quản lý dự án và theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 16/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, gồm:

1. Làm chủ đầu tư một số dự án sử dụng vốn ngân sách, vốn nhà nước ngoài ngân sách do người quyết định đầu tư giao;
2. Nhận ủy thác quản lý dự án của các chủ đầu tư khác theo hợp đồng ủy thác quản lý dự án được ký kết;
3. Tiếp nhận và quản lý sử dụng vốn đề đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật;
4. Tổ chức quản lý các dự án do mình làm chủ đầu tư và nhận ủy thác quản lý dự án theo hợp đồng ủy thác quản lý dự án cho các chủ đầu tư khác khi được yêu cầu và có đủ điều kiện năng lực để thực hiện theo quy định của pháp luật;
5. Bàn giao công trình hoàn thành cho chủ đầu tư, chủ quản lý sử dụng công trình khi kết thúc xây dựng;
6. Thực hiện các chức năng khác do người quyết định thành lập Ban quản lý dự án giao.

Điều 4. Nhiệm vụ và quyền hạn

Ban quản lý dự án có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn trong công tác quản lý dự án theo quy định của pháp luật và hướng dẫn tại Điều 8 của Thông tư số 16/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, gồm:

1. Các nhiệm vụ, nội dung quản lý dự án quy định tại Điều 66 của Luật Xây dựng và của pháp luật có liên quan gồm:

Quản lý về phạm vi, kế hoạch công việc, khối lượng công việc, chất lượng xây dựng, tiến độ thực hiện, chi phí đầu tư xây dựng, an toàn trong thi công xây dựng, bảo vệ môi trường trong xây dựng, Lựa chọn nhà thầu và hợp đồng xây dựng, quản lý rủi ro, quản lý hệ thống thông tin công trình và các nội dung cần thiết khác được thực hiện theo quy định của Luật Xây dựng và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Các nhiệm vụ được xác định theo hợp đồng ủy thác quản lý dự án được ký giữa chủ đầu tư với Ban quản lý dự án.

3. Các nhiệm vụ phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan và nhiệm vụ khác (nếu có) do người quyết định đầu tư bao gồm: Phối hợp hoạt động với tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện dự án để bảo đảm yêu cầu về tiến độ, chất lượng, chi phí.

an toàn và bảo vệ môi trường và thực hiện các nhiệm vụ khác do người quyết định đầu tư giao (nếu có).

4. Ban quản lý dự án có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 68, Điều 69 của Luật Xây dựng và quy định của pháp luật có liên quan.

Chương III **CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CÁC THÀNH VIÊN** **CỦA BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN**

Điều 5. Cơ cấu tổ chức và biên chế Ban quản lý dự án

1. Ban Giám đốc Ban quản lý dự án gồm: Giám đốc, không quá 02 Phó Giám đốc. Ngoài ra, trường hợp dự án do sở, ban ngành làm chủ đầu tư mà công tác quản lý điều hành dự án do Ban quản lý dự án thực hiện thì đại diện Lãnh đạo Sở, ban ngành tham gia điều hành với tư cách là Phó Giám đốc Ban quản lý dự án của công trình đơn vị chủ đầu tư.

a) Giám đốc Ban quản lý dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm và miễn nhiệm theo phân cấp quản lý cán bộ hiện hành, có trách nhiệm quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động của Ban quản lý dự án.

b) Phó Giám đốc Ban quản lý dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm và miễn nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Ban quản lý dự án sau khi có chủ trương của Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh, có trách nhiệm quản lý, điều hành một số lĩnh vực do Giám đốc Ban quản lý dự án phân công.

c) Kế toán trưởng Ban quản lý dự án do Giám đốc Ban quản lý dự án bổ nhiệm và miễn nhiệm sau khi có chủ trương của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, có trách nhiệm giúp Giám đốc Ban quản lý dự án trong việc quản lý, thanh quyết toán vốn đầu tư xây dựng các dự án được giao quản lý và quản lý thu, chi kinh phí hoạt động của Ban quản lý dự án.

2. Khối các phòng (ban) chức năng, nghiệp vụ gồm:

a) Văn phòng Ban quản lý dự án;

b) Phòng Kế hoạch - Tổng hợp;

c) Phòng Kỹ thuật - Thẩm định;

d) Phòng Tài chính - Kế toán;

đ) Các phòng (ban) khác (nếu cần thiết) theo yêu cầu cụ thể của dự án.

3. Khối các phòng (ban) Điều hành dự án

- Các phòng (ban) Điều hành dự án: Căn cứ vào các dự án được giao quản lý, Giám đốc Ban quản lý dự án quyết định thành lập các Ban điều hành dự án để giúp Ban Quản lý dự án trực tiếp quản lý theo từng dự án cụ thể được giao.

- Phòng (ban) Điều hành dự án có 01 Giám đốc quản lý dự án do Giám đốc Ban Quản lý dự án bổ nhiệm, miễn nhiệm để trực tiếp điều hành quản lý thực hiện dự án được giao. Giám đốc quản lý dự án phải có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật về xây dựng.

4. Biên chế Ban quản lý dự án

Ban quản lý dự án hoạt động trên nguyên tắc tự bảo đảm chi thường xuyên. Biên chế chi bố trí để thực hiện công tác cán bộ theo quyết định của cấp có thẩm quyền (nếu có).

- Giám đốc Ban quản lý dự án có trách nhiệm xây dựng, sửa đổi bổ sung Đề án vị trí việc làm để làm cơ sở xác định số lượng người làm việc phù hợp với nhu cầu và nhiệm vụ được giao trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Việc xây dựng kế hoạch và tổ chức tuyển dụng lao động của Ban quản lý dự án được căn cứ vào nhu cầu công việc, vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đối với viên chức Ban quản lý dự án, quỹ tiền lương được giao và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 6. Quyền, trách nhiệm của các thành viên Ban quản lý dự án

1. Quyền và trách nhiệm của Giám đốc Ban quản lý dự án.

a) Giám đốc Ban quản lý dự án chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và pháp luật về quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động của Ban quản lý dự án và là chủ tài khoản của đơn vị;

b) Xây dựng, ban hành Quy chế làm việc và các quy định khác về hoạt động của Ban quản lý dự án;

c) Phân công nhiệm vụ của các Phó Giám đốc và thành viên Ban quản lý dự án; tuyển dụng, đề bạt, bổ nhiệm, miễn nhiệm, nâng lương, khen thưởng, kỷ luật các chức danh Trưởng, Phó Trưởng phòng (ban), nhân viên thuộc Ban quản lý dự án;

d) Tổ chức, chủ trì các cuộc họp định kỳ và đột xuất (nếu có) của Ban quản lý dự án, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ công tác của các phòng (ban) và của các thành viên Ban quản lý dự án;

đ) Ký các văn bản, hợp đồng xây dựng với các nhà thầu được lựa chọn, hợp đồng lao động đối với cán bộ, viên chức Ban quản lý dự án.

2. Quyền và trách nhiệm của các Phó Giám đốc Ban quản lý dự án

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn trong phạm vi được giám đốc Ban quản lý dự án phân công hoặc ủy quyền; thực hiện chế độ báo cáo về tình hình và kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao;

b) Chịu trách nhiệm trước giám đốc Ban quản lý dự án và người quyết định thành lập Ban quản lý dự án về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao;

c) Tham gia các cuộc họp, đề xuất hoặc kiến nghị về các giải pháp, biện pháp cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ của Ban quản lý dự án.

3. Quyền, nghĩa vụ của viên chức Ban quản lý dự án

a) Được bảo đảm về điều kiện làm việc, được đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và được hưởng các quyền lợi theo quy định của pháp luật;

b) Có trách nhiệm thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ được giao, chấp hành tốt pháp luật, chính sách hiện hành và quy chế làm việc của đơn vị; có quyền từ chối thực hiện công việc được giao khi xét thấy công việc đó ảnh hưởng đến uy tín và quyền lợi của đơn vị, nhưng phải được sự chấp thuận của Trưởng phòng (ban) phụ trách;

c) Có quyền đề xuất đóng góp ý kiến, biện pháp thực hiện nhiệm vụ được giao và xây dựng đơn vị;

d) Chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng (ban) và Ban Giám đốc Ban quản lý dự án về kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao;

d) Có trách nhiệm bảo quản và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài sản của đơn vị.

Chương IV

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC CỦA BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN

Điều 7. Nguyên tắc làm việc của Ban quản lý dự án

1. Đối với Ban Giám đốc

a) Giám đốc làm việc theo chế độ Thủ trưởng, Giám đốc là người lãnh đạo cao nhất trong đơn vị và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về toàn bộ mọi hoạt động của Ban quản lý dự án;

b) Giám đốc chịu trách nhiệm điều hành chung và trực tiếp chỉ đạo một số nhiệm vụ cụ thể về hoạt động của đơn vị. Giám đốc có thể xem xét công việc thuộc các lĩnh vực đã phân công cho các Phó Giám đốc và quyết định của Giám đốc là quyết định cuối cùng;

c) Giám đốc phân công cho một Phó Giám đốc thay mặt Giám đốc điều hành hoạt động của đơn vị khi Giám đốc vắng mặt hoặc khi được Giám đốc ủy quyền;

d) Phó Giám đốc giúp Giám đốc điều hành hoạt động theo sự phân công và ủy quyền của Giám đốc, Phó Giám đốc được phân công phụ trách lĩnh vực nào thì duyệt ký văn bản thuộc lĩnh vực đó. Đối với những quyết định vượt quá thẩm quyền của mình thì Phó Giám đốc phải báo cáo xin ý kiến của Giám đốc trước khi chỉ đạo thực hiện; nếu Phó Giám đốc phụ trách lĩnh vực đi vắng mà cần giải quyết ngay thì Giám đốc giải quyết hoặc giao cho Phó Giám đốc có mặt ở cơ quan giải quyết và thông báo lại;

d) Khi giải quyết công việc liên quan đến lĩnh vực Phó Giám đốc khác thì Phó Giám đốc phụ trách chủ động bàn bạc với Phó Giám đốc có liên quan trước khi quyết định. Trường hợp không thống nhất ý kiến, Phó Giám đốc phụ trách báo cáo Giám đốc quyết định, không để công việc chậm trễ, ảnh hưởng đến hoạt động của đơn vị.

2. Đối với phòng (ban) chức năng, nghiệp vụ và ban điều hành dự án

Các phòng (ban) chuyên môn, nghiệp vụ và ban điều hành dự án chủ động tham mưu, đề xuất giúp Ban Giám đốc giải quyết công việc theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của phòng (ban) được phân công và chịu trách nhiệm trước Ban Giám đốc về kết quả thực hiện.

3. Đối với viên chức, lao động của Ban quản lý dự án

a) Xây dựng kế hoạch công tác và triển khai thực hiện các nhiệm vụ công tác được giao; chịu trách nhiệm trước Ban Giám đốc, Trưởng, Phó trưởng phòng (ban) về phân công việc được giao;

b) Thực hiện đầy đủ và đảm bảo yêu cầu về chất lượng, khối lượng, tiến độ công việc và chịu trách nhiệm trước lãnh đạo phòng (ban) về thực hiện các nhiệm vụ được giao;

c) Tham gia đóng góp, xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động; có trách nhiệm bảo vệ tài sản chung;

d) Thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật về viên chức, lao động và các quy định của Ban quản lý dự án.

Điều 8. Chế độ hội họp, báo cáo

1. Chế độ họp với Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, các nhà thầu, giao ban nội bộ Ban quản lý dự án

a) Chế độ họp với Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

Thực hiện định kỳ theo quy định chung của tỉnh và họp đột xuất (nếu có) để xin ý kiến giải quyết những công việc phức tạp, cấp bách, liên quan đến nhiều sở, ngành.

b) Chế độ hội họp với các nhà thầu

Được tổ chức thường xuyên trong quá trình thực hiện dự án, như: ký kết hợp đồng, tiến độ, nghiệm thu giai đoạn, nghiệm thu hoàn thành...; họp giải quyết các vấn đề vướng mắc, nảy sinh trong quá trình triển khai thực hiện dự án trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư, giai đoạn thực hiện đầu tư, giai đoạn kết thúc đầu tư và các cuộc họp cần thiết khác tùy theo tình hình thực tế.

c) Chế độ hội họp, giao ban nội bộ Ban quản lý dự án

- Định kỳ hằng tuần, tháng, quý hoặc đột xuất sẽ tổ chức họp giao ban do Giám đốc chủ trì. Trường hợp Giám đốc vắng mặt thì do Phó Giám đốc được ủy quyền chủ trì để triển khai thực hiện hoàn thành nhiệm vụ theo đúng chương trình, kế hoạch đặt ra;

- Giám đốc tổ chức và chủ trì các cuộc họp sơ kết, tổng kết của cơ quan. Nội dung, thành phần và thời gian do Giám đốc quyết định;

- Phó Giám đốc triệu tập, chủ trì các cuộc họp, hội nghị thuộc lĩnh vực chuyên môn phụ trách với các Trưởng, Phó phòng theo kế hoạch được Giám đốc đồng ý và sau đó báo cáo kết quả cuộc họp, hội nghị với Giám đốc;

- Văn phòng có trách nhiệm thông báo triệu tập hội nghị, cuộc họp đúng thời gian, thành phần theo yêu cầu và chuẩn bị phòng họp, tổ chức ghi biên bản hội nghị, cuộc họp và thông báo kết luận của Giám đốc, phó giám đốc đến các phòng để thực hiện.

2. Chế độ báo cáo thường xuyên, định kỳ của Ban quản lý dự án, các phòng (ban).

Các phòng (ban) chức năng phải thực hiện đúng chế độ báo cáo thường xuyên, định kỳ với Lãnh đạo Ban theo quy định; đồng thời tham mưu báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ngành liên quan khi có yêu cầu hoặc theo quy định.

Các Phó Giám đốc, Trưởng, Phó Trưởng phòng (ban) và công chức, viên chức, người lao động được Giám đốc phân công thay Giám đốc dự họp phải có trách nhiệm báo cáo kết quả làm việc với Giám đốc.

Điều 9. Chế độ kiểm tra, giám sát

1. Chế độ kiểm tra, giám sát đối với dự án được giao quản lý

Tổ chức, thực hiện kiểm tra, giám sát thường xuyên về biện pháp thi công, biện pháp đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường và tổ chức giám sát quản lý chất lượng trong thi công xây dựng phù hợp với hình thức quản lý dự án, hợp đồng xây dựng;

2. Chế độ kiểm tra, giám sát các hoạt động trong nội bộ Ban quản lý dự án

Kiểm tra, giám sát việc thực hiện nội quy làm việc cơ quan; chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp; Nghị quyết hội nghị công nhân viên chức và người lao động; tác nghiệp thực hiện quản lý, điều hành; chế độ quản lý tài sản, hoạt động chi tiêu tài chính của cơ quan; quy trình thực hiện quản lý đầu tư xây dựng; các nhiệm vụ chính trị được giao; việc thực hiện các quy định của pháp luật và các nội dung khác theo hướng dẫn, yêu cầu của cơ quan Đảng và Chính quyền cấp trên.

Điều 10. Chế độ phối hợp công tác

1. Giữa các phòng (ban) của Ban quản lý dự án

Các phòng (ban) chuyên môn chủ động giải quyết công việc theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được phân công. Khi giải quyết công việc liên quan đến phòng (ban) khác thì phòng (ban) chủ trì phải chủ động phối hợp, các phòng (ban) liên quan có trách nhiệm phối hợp, trường hợp có ý kiến khác nhau thì báo cáo Ban Giám đốc xem xét, giải quyết theo quy chế làm việc.

2. Công tác phối kết hợp giữa Ban quản lý dự án với các sở, ngành, các đơn vị có liên quan.

- Chủ động phối hợp chặt chẽ và thường xuyên với các sở, ban, ngành và tổ chức xã hội, tổ chức chính trị xã hội, với chủ đầu tư dự án để giải quyết công việc kịp thời; chịu trách nhiệm trước người quyết định đầu tư, chủ đầu tư về công tác quản lý dự án và các nội dung khác liên quan đến hợp đồng đối với các dự án do Ban quản lý dự án làm chủ đầu tư hoặc tư vấn quản lý dự án;

- Phối hợp thực hiện Quyết định số 80/2005/QĐ-TTg ngày 18 tháng 4 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế giám sát đầu tư của cộng đồng; Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT ngày 04 tháng 12 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ban thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 80/2005/QĐ-TTg ngày 18 tháng 4 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Giữa Ban quản lý dự án với tổ chức, cá nhân có liên quan

Phối hợp chặt chẽ với lãnh đạo chính quyền địa phương các cấp (Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn), các nhà thầu, đơn vị tư vấn để giải quyết những công việc có liên quan, nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án.

Chương V

TÀI CHÍNH, TÀI SẢN CỦA BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN

Điều 11. Chế độ tài chính

1. Ban quản lý dự án là đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ về tài chính, tự bảo đảm chi thường xuyên theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước; được mở tài khoản giao dịch tại Ngân hàng thương mại để phản ánh các khoản thu, chi từ hoạt động quản lý dự án theo quy định pháp luật;

3. Có tổ chức bộ máy kế toán Ban quản lý dự án theo quy định của Luật Kế toán, có trách nhiệm quản lý sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả các nguồn kinh phí được cấp để thực hiện dự án theo quy định của pháp luật.

4. Hằng năm, Ban quản lý dự án có trách nhiệm lập dự toán thu, chi và mở sổ kế toán theo dõi, quản lý sử dụng các nguồn kinh phí theo quy định của pháp luật; báo cáo tổng hợp dự toán và quyết toán hàng năm với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 12. Các nguồn tài chính của Ban quản lý dự án gồm:

1. Vốn đầu tư phát triển của các dự án được giao hoặc được ủy thác quản lý thực hiện.

2. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ không thường xuyên (nếu có).

3. Ngân sách nhà nước cấp hỗ trợ trong trường hợp cần thiết (nếu có):

4. Các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án (thực hiện theo Thông tư số 05/2014/TT-BCT ngày 06 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước và vốn trái phiếu chính phủ) gồm:

a) Các khoản thu chi phí quản lý dự án, chi phí quản lý nghiệp vụ lập quy hoạch, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng trong tổng mức đầu tư của các dự án được giao quản lý và thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền. Các khoản thu này tính vào chi phí đầu tư của các dự án tương ứng. Mức thu theo quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng hiện hành.

Trường hợp Ban Quản lý dự án ký kết hợp đồng ủy thác quản lý dự án với Chủ đầu tư khác thì tùy thuộc vào việc phân giao thực hiện nhiệm vụ quản lý dự án giữa các Bên hợp đồng để quyết định mức chi phí quản lý dự án được sử dụng.

b) Các khoản thu từ hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư xây dựng cho các chủ đầu tư khác (nếu có) theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư và xây dựng. Các khoản thu này không tính vào chi phí đầu tư của các dự án được giao quản lý. Mức thu theo hợp đồng ký kết, không trái với quy định của pháp luật.

5. Các khoản thu khác: Thu tiền bán hồ sơ mời thầu và các khoản thu hợp pháp khác (nếu có). Các khoản thu này không tính vào chi phí đầu tư của các dự án được giao quản lý. Mức thu cụ thể không trái với quy định của pháp luật.

Điều 13. Nội dung chi

1. Chi thường xuyên gồm: Tiền lương; tiền công trả cho lao động theo hợp đồng; các khoản phụ cấp lương; chi tiền thưởng (thưởng thường xuyên, thưởng đột xuất nếu có); các khoản đóng góp theo lương; dịch vụ công cộng; vật tư văn phòng; thanh toán thông tin, tuyên truyền, liên lạc; hội nghị; công tác phí; chi phí thuê mướn; chi đoán ra, đoán vào; khấu hao tài sản cố định; sửa chữa tài sản; các

khoản thuế phải nộp theo quy định của pháp luật và các khoản chi khác theo chế độ quy định.

2. Chi không thường xuyên gồm: Chi đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm trang thiết bị, tài sản dùng cho quản lý dự án, sửa chữa lớn tài sản cố định; chi thực hiện tinh giản biên chế theo chế độ hiện hành của Nhà nước (nếu có) và các khoản chi khác có liên quan.

Điều 14. Sử dụng kết quả hoạt động tài chính trong năm

Hàng năm sau khi trang trải các khoản chi phí, nộp thuế và các khoản nộp khác theo quy định, phần chênh lệch thu lớn hơn chi (nếu có), Ban quản lý dự án sử dụng theo trình tự như sau:

1. Trích lập các quỹ gồm:

- Quỹ phát triển hoạt động (mức trích quỹ theo quy định hiện hành của pháp luật);

- Quỹ dự phòng ổn định thu nhập (mức trích do Giám đốc Ban quản lý dự án quyết định theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị);

- Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi (mức trích theo quy định hiện hành của pháp luật).

2. Trả thu nhập tăng thêm cho người lao động.

3. Các khoản thuê, khoán.

4. Sử dụng các quỹ của Ban quản lý dự án

- Quỹ phát triển hoạt động sử dụng để bổ sung vốn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc, hỗ trợ đào tạo nâng cao tay nghề cho cán bộ, người lao động;

- Quỹ dự phòng ổn định thu nhập để chi trong các trường hợp: Tạm ứng cho các khoản chi thường xuyên khi đầu năm chưa có kế hoạch vốn được giao, chưa có nguồn thu hoặc chưa duyệt dự toán. Khi có kế hoạch vốn được giao, dự toán được duyệt hoặc có nguồn thu thì thực hiện hoàn trả về Quỹ dự phòng ổn định thu nhập; bảo đảm thu nhập cho người lao động;

- Quỹ khen thưởng dùng để thưởng định kỳ, đột xuất cho tập thể, cá nhân trong và ngoài đơn vị theo hiệu quả công việc và thành tích đóng góp vào hoạt động của đơn vị. Mức thưởng do Giám đốc Ban quản lý quyết định theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị;

- Quỹ phúc lợi dùng để xây dựng, sửa chữa các công trình phúc lợi, chi cho các hoạt động phúc lợi tập thể của người lao động trong Ban quản lý dự án; trợ cấp khó khăn đột xuất. Giám đốc Ban quản lý dự án quyết định việc sử dụng quỹ theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

Điều 15. Quản lý tài sản, vật tư, trang thiết bị

1. Ban quản lý dự án được trang bị tài sản để phục vụ công tác quản lý dự án theo quy định của pháp luật. Tài sản của Ban quản lý dự án phải được sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm và hiệu quả. Nghiêm cấm việc cho thuê, mượn, biếu, tặng và sử dụng tài sản của Ban quản lý dự án vào mục đích cá nhân.

2. Ban quản lý dự án định kỳ báo cáo người quyết định thành lập Ban quản lý dự án, người quyết định đầu tư về các tài sản được nhà thầu, nhà cung cấp bàn giao, tặng hoặc để lại cho Ban quản lý dự án để quản lý sử dụng theo quy định của pháp luật.

3. Tài sản của Ban quản lý dự án phải được đánh giá lại sau khi kết thúc từng dự án; tài sản không cần sử dụng phải được xử lý theo quy định hiện hành.

Chương VI MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 16. Đối với người quyết định thành lập Ban quản lý dự án, người quyết định đầu tư

1. Chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, giám sát trực tiếp của người quyết định thành lập, người quyết định đầu tư về thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum phê duyệt Quy chế hoạt động của Ban Quản lý dự án (kể cả việc điều chỉnh, bổ sung).

3. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum thẩm định, phê duyệt các nội dung thuộc trách nhiệm của chủ đầu tư theo nhiệm vụ được giao và theo quy định của pháp luật.

4. Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình triển khai thực hiện các dự án được giao quản lý; đề xuất biện pháp phối hợp xử lý những vấn đề vượt quá thẩm quyền giải quyết của mình.

5. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị chức năng của người quyết định thành lập, người quyết định đầu tư trong việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý dự án.

Điều 17. Đối với chủ đầu tư ủy thác quản lý dự án, chủ quản lý sử dụng công trình

1. Thực hiện các quyền, nghĩa vụ đối với các chủ đầu tư khác theo hợp đồng ủy thác quản lý dự án.

2. Phối hợp với chủ quản lý sử dụng công trình khi lập, phê duyệt nhiệm vụ thiết kế xây dựng công trình, tổ chức lựa chọn nhà thầu và nghiệm thu, bàn giao công trình xây dựng hoàn thành vào vận hành, sử dụng (kể cả việc thực hiện bảo hành công trình theo quy định).

3. Bàn giao công trình xây dựng hoàn thành cho chủ đầu tư hoặc chủ quản lý sử dụng theo quy định của pháp luật; quản lý công trình xây dựng hoàn thành trong thời gian chưa xác định được đơn vị quản lý sử dụng công trình theo yêu cầu của người quyết định đầu tư.

Điều 18. Đối với nhà thầu thi công xây dựng

1. Tổ chức lựa chọn nhà thầu thực hiện các gói thầu thuộc dự án do mình làm chủ đầu tư hoặc được ủy thác quản lý thực hiện; đàm phán, ký kết và thực hiện hợp đồng với nhà thầu xây dựng được lựa chọn theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện các quyền, nghĩa vụ đối với nhà thầu xây dựng theo quy định của hợp đồng xây dựng và quy định của pháp luật có liên quan.

3. Tiếp nhận, xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền giải quyết các đề xuất, vướng mắc của nhà thầu trong quá trình thực hiện.

Điều 19. Đối với cơ quan quản lý nhà nước theo phân cấp

1. Thực hiện (hoặc theo ủy quyền) các thủ tục liên quan đến công tác chuẩn bị dự án, chuẩn bị xây dựng theo quy định của pháp luật.

2. Trình cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp thẩm định dự án, thiết kế và dự toán xây dựng công trình theo quy định của pháp luật về xây dựng.

3. Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã trong việc thực hiện công tác bồi thường thiệt hại, giải phóng mặt bằng, tái định cư khi dự án có yêu cầu về thu hồi đất để xây dựng.

4. Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã trong công tác quản lý hành chính, bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn của cộng đồng trong quá trình thực hiện dự án và bàn giao công trình vào khai thác, sử dụng.

5. Báo cáo, giải trình về tình hình thực hiện quản lý dự án khi được yêu cầu về sự cố công trình, an toàn trong xây dựng với cơ quan nhà nước có thẩm quyền và đề xuất biện pháp phối hợp xử lý những vấn đề vượt quá thẩm quyền.

6. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Chương VII HIỆU LỰC THỰC HÀNH

Điều 20. Quy chế hoạt động của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 21. Các thành viên của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum có trách nhiệm thực hiện theo quy chế này.

Điều 22. Các cơ quan, tổ chức có liên quan gồm: Sở Nội vụ, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị có liên quan có trách nhiệm phối hợp thực hiện theo quy chế này.

Điều 23. Trường hợp cần thiết, Giám đốc Ban quản lý dự án đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum. / *lhoat*

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hòa